

KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH VỀ THÁI ĐỘ GIAO TIẾP CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRUNG TÂM BỆNH NHIỆT ĐỚI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

Quế Anh Trâm¹, Phan Thị Lua²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này nhằm khảo sát sự hài lòng của người bệnh (NB) về thái độ giao tiếp của điều dưỡng (ĐD) trong quá trình nằm viện tại Trung tâm bệnh nhiệt đới - bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Người bệnh điều trị nội trú tại Trung tâm bệnh nhiệt đới từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Trong số 200 NB tham gia nghiên cứu, tỷ lệ hài lòng chung của NB về các hoạt động của ĐD đạt 97.1%. Trong đó, có 98.8% số NB hài lòng về công tác chăm sóc tinh thần của ĐD, 96.9% hài lòng với việc thực hiện hoạt động chăm sóc ĐD, 97.0% NB hài lòng về mối quan hệ với ĐD và 96.0% hài lòng về hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe của ĐD trong thời gian điều trị và sau khi ra viện. **Kết luận:** Người bệnh hài lòng cao đối với thái độ giao tiếp của ĐD về các lĩnh vực trong công tác chăm sóc ĐD. Việc đánh giá sự hài lòng của NB giúp cải tiến chất lượng khám chữa bệnh, góp phần xây dựng và phát triển bệnh viện.

SUMMARY

PATIENTS SATISFACTION SURVEY ON THE COMMUNICATION ATTITUDE OF NURSING AT THE CENTER FOR TROPICAL DISEASE, NGHE AN FRIENDSHIP GENERAL HOSPITAL

Objective: This study aims to survey the satisfaction of the patient about the communication attitude of nurses during the hospital staying at the Department of Internal Medicine A - Geriatrics of Nghe An General Friendship Hospital. **Subjects and methods:** Patients with inpatient treatment at the Department of Internal Medicine A - Geriatrics from January 2022 to August 2022. **Study design:** Cross-sectional descriptive study. **Results:** Among 200 patients participating in the study, the general satisfaction rate of the patient about the activities of nurses reached 97.1%. In which, 98.8% of the patients were satisfied with the mental care of the nurses, 96.9% were satisfied with the performance of nursing care activities, and 97.0% of the patients were satisfied with the relationship of patients and nurses, 96.0% were satisfied with the health education and counseling activities of nurses during treatment and after discharge from the hospital. **Conclusion:**

Patients were highly satisfied with the nurses' communication attitude in all areas of nursing care. The assessment of patient satisfaction helps to improve the quality of medical examination and treatment, contributing to the construction and development of the hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự hài lòng của NB là một nhân tố quan trọng để đánh giá chất lượng của một bệnh viện, là chỉ số đo lường sự đáp ứng chất lượng dịch vụ y tế của các cơ sở y tế với sự mong đợi của NB và là mục tiêu mà nhiều bệnh viện mong muốn hướng tới.

Trong công tác chăm sóc NB phải kể đến vai trò của các ĐD trong bệnh viện, họ là nhân tố hết sức quan trọng cộng tác với bác sỹ trong việc chăm sóc và điều trị cho NB. Mỗi ĐD đều có mỗi trách nhiệm khác nhau và ĐD là người đầu tiên tiếp xúc và là người luôn theo sát NB trong quá trình điều trị. Vì thế đòi hỏi cần phải có kiến thức và kỹ năng không những về chuyên môn mà còn phải có thái độ kỹ năng giao tiếp tốt [1].

WHO đã khẳng định: "Điều dưỡng là một mắt xích quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe do người điều dưỡng cung cấp tác động lớn tới sự hài lòng của người bệnh" và đưa ra khuyến cáo "Ở bất cứ quốc gia nào, muốn nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe thì phải chú ý phát triển công tác điều dưỡng" [1].

Tuy nhiên, công tác ĐD tại các bệnh viện hiện nay còn nhiều bất cập như thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, hệ thống đào tạo chưa thống nhất, các kỹ thuật thực hành chăm sóc chưa được chuẩn hóa, kỹ năng giao tiếp xã hội của người ĐD chưa được chú trọng đào tạo và rèn luyện. Những điều bất cập đó đôi khi ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng và hiệu quả chăm sóc NB, vì vậy chúng tôi tiến hành đề tài: "*Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về thái độ giao tiếp của điều dưỡng trong quá trình nằm viện tại Trung tâm bệnh nhiệt đới bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An*".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: NB điều trị nội trú tại Trung tâm bệnh nhiệt đới từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022.

¹Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

²Trường Đại học Y khoa Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Phan Thị Lua

Email: phanlua@vnu.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.7.2023

Ngày duyệt bài: 10.8.2023

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu:

- Hàng ngày sau thời gian đi buồng bệnh điều tra viên lập danh sách những NB đủ tiêu chuẩn để mời phỏng vấn (thời gian nằm viện từ 3 ngày trở lên và sẽ được ra viện trong ngày).

- Khi NB hoàn thành các thủ tục ra viện điều tra viên xin gặp và mời vào phòng giao ban để phỏng vấn. Nếu đối tượng nghiên cứu đồng ý tham gia sẽ được mời ký giấy đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu điền câu trả lời vào bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn.

- Kết thúc phỏng vấn điều tra viên kiểm tra phiếu trả lời.

- Lấy ý kiến thông qua bộ câu hỏi đã được thiết kế dựa trên quy định của Bộ y tế, mỗi người chỉ tham gia phỏng vấn một lần duy nhất.

2.2.3. Công cụ nghiên cứu: Xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc tham khảo từ nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của NB nội trú về sự chăm sóc của ĐD tại khoa huyết học bệnh viện Chợ rẫy năm 2018 của tác giả Huỳnh Anh Dũng[2]. Bộ câu hỏi này được chỉnh lý cho phù hợp với bối cảnh của Trung tâm bệnh nhiệt đới bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An. Theo đó,

thang đo cho nghiên cứu được xây dựng gồm 28 tiểu mục thuộc 4 yếu tố:

- Chăm sóc tinh thần cho NB: 05 tiểu mục/biến.

- Thực hiện hoạt động chăm sóc ĐD: 09 tiểu mục/biến.

- Mối quan hệ giữa NB và ĐD: 06 tiểu mục/biến.

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe: 08 tiểu mục/biến.

2.2.4. Xử lý và phân tích số liệu: nhập số liệu bằng phần mềm Epi Data 3.1. Phân tích số liệu bằng SPSS 19.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Sự hài lòng chung của người bệnh



Biểu đồ 1. Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh
Nhận xét: Tỷ lệ hài lòng chung của NB về các hoạt động của ĐD đạt 97.1% và tỷ lệ chưa hài lòng là 2.9%.

Tỷ lệ hài lòng xét theo từng yếu tố

Bảng 1. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với điều dưỡng về tinh thần

STT	Nội dung hài lòng	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	Sự đón tiếp và sắp xếp giường bệnh của ĐD	0 0%	0 0%	4 2.0%	16 8.0%	180 90.0%
2	ĐD theo dõi diễn biến, hỏi thăm về tình hình bệnh tật hàng ngày trong thời gian nằm viện	0 0%	0 0%	4 2.0%	12 6.0%	184 92.0%
3	Sự động viên, an ủi, khích lệ tinh thần NB trong thời gian viện của ĐD	0 0%	0 0%	1 0.5%	11 5.5%	188 94.0%
4	Mức độ cảm thông, chia sẻ về bệnh tật của ĐD với NB	0 0%	0 0%	1 0.5%	8 4.0%	191 95.5%
5	Sự tôn trọng của ĐD (qua lời nói, thái độ, cử chỉ) trong khi chăm sóc NB	0 0%	1 0.5%	1 0.5%	13 6.5%	185 92.5%
Trung bình		0 0%	0.2 0.1%	2.2 1.1%	12 6.0%	185.6 92.8%

Nhận xét: 98.8% số NB đánh giá hài lòng về công tác chăm sóc tinh thần của ĐD.

Bảng 2. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về thực hiện hoạt động điều dưỡng

STT	Nội dung hài lòng	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	Hướng dẫn các thủ tục hành chính và trang bị đồ vải khi vào khoa điều trị	0 0%	2 1.0%	10 5.0%	13 6.5%	175 87.5%
2	ĐD đến và xử trí kịp thời các dấu hiệu bất thường khi được thông báo	0 0%	0 0%	3 1.5%	15 7.5%	182 91.0%
3	ĐD thực hiện các quy trình kỹ thuật: Tiêm, truyền, đo mạch, nhiệt độ...	0 0%	1 0.5%	5 2.5%	13 6.5%	181 90.5%
4	ĐD thực hiện công khai thuốc với người bệnh	0	1	6	14	179

		0%	0.5%	3.0%	7%	89.5%
5	Thời gian chờ đợi ĐD (chăm sóc, thực hiện thuốc...)	0 0%	1 0.5%	6 3.0%	9 4.5%	184 92.0%
6	Sự giúp đỡ của ĐD khi thực hiện các hoạt động vệ sinh thân thể, đại tiểu tiện...	0 0%	2 1.0%	5 2.5%	15 7.5%	178 89.0%
7	ĐD đưa đi làm các xét nghiệm cận lâm sàng trong khi nằm viện	0 0%	1 0.5%	6 3.0%	11 5.5%	182 91.0%
8	Sự hỗ trợ giảm đau của ĐD (động viên, theo dõi đau, thực hiện thuốc giảm đau)	0 0%	1 0.5%	2 1.0%	10 5.0%	187 93.5%
9	Sự sắp xếp của điều dưỡng khi NB ra viện	0 0%	0 0%	4 2.0%	12 6.0%	184 92.0%
Trung bình		0 0%	1 0.5%	5.2 2.6%	12.4 6.2%	181.3 90.7%

Nhận xét: Tỷ lệ NB hài lòng với việc thực hiện hoạt động chăm sóc ĐD là 96.9%.

Bảng 3. Tỷ lệ hài lòng về mối liên hệ giữa người bệnh và điều dưỡng

STT	Nội dung hài lòng	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	ĐD chào hỏi và tự giới thiệu về bản thân mỗi khi tiếp xúc với NB	0 0%	0 0%	7 3.5%	18 8.0%	175 87.5%
2	ĐD gây phiền hà tới người bệnh khi thực hiện chăm sóc	0 0%	0 0%	4 2.0%	12 6.0%	184 92.0%
3	Sự hướng dẫn các nội quy khoa phòng, nội quy bệnh viện và quyền lợi của NB	0 0%	0 0%	6 3.0%	16 8.0%	178 89.0%
4	Sự thân thiện, vui vẻ của điều dưỡng	0 0%	0 0%	1 0.5%	9 4.5%	190 95.0%
5	Thái độ quan tâm, lắng nghe của ĐD khi NB cần	0 0%	0 0%	6 3.0%	7 3.5%	187 93.5%
6	ĐD sự giải đáp những băn khoăn, thắc mắc của NB	0 0%	2 1.0%	10 5.0%	8 4.0%	180 90.0%
Trung bình		0 0%	0.3 0.2%	5.7 2.8%	11.7 5.8%	182.3 91.2%

Nhận xét: 97.0% NB hài lòng về mối quan hệ giữa NB với ĐD.

Bảng 4. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về giáo dục sức khỏe

STT	Nội dung hài lòng	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	Sự giải thích, hướng dẫn của ĐD đối với chế độ ăn theo bệnh tật	0 0%	1 0.5%	6 3.0%	8 4.0%	185 92.5%
2	Sự thông báo và giải thích của ĐD trước khi thực hiện chăm sóc (tiêm, truyền ...)	0 0%	0 0%	5 2.5%	6 3.0%	189 94.5%
3	Sự giải thích của ĐD đối với mục đích, hướng dẫn sử dụng các loại thuốc	0 0%	0 0%	10 5.0%	7 3.5%	183 91.5%
4	ĐD giải thích mục đích của việc làm các xét nghiệm cận lâm sàng	0 0%	0 0%	8 4.0%	5 2.5%	187 93.5%
5	ĐD cung cấp thông tin tình trạng sức khỏe cho NB hàng ngày	0 0%	0 0%	6 3.0%	6 3.0%	188 94.0%
6	Sự hướng dẫn và hỗ trợ của ĐD trong việc luyện tập, phục hồi chức năng sớm để phòng biến chứng	0 0%	0 0%	6 3.0%	2 1.0%	192 96.0%
7	Sự hướng dẫn cách chăm sóc sau khi ra viện của ĐD	0 0%	1 0.5%	10 5.0%	3 1.5%	186 93.0%
8	Sự hướng dẫn chế độ sinh hoạt, lao động trong khi nằm viện và sau khi ra viện của ĐD	0 0%	1 0.5%	10 5.0%	6 3.0%	183 91.5%
Trung bình		0 0%	0.4 0.2%	7.6 3.8%	5.4 2.7%	186.6 93.3%

Tỷ lệ hài lòng của NB với hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe trong thời gian điều trị và sau khi ra viện là 96.0%.

IV. BÀN LUẬN

Sự hài lòng chung của người bệnh. Qua nghiên cứu, tỷ lệ hài lòng chung của NB về các hoạt động của ĐD hiện đạt 97.1% (biểu đồ 1). Kết quả này được tính toán dựa trên cơ sở sự hài lòng của NB về 4 yếu tố: hỗ trợ tinh thần, thực hiện hoạt động chăm sóc ĐD, mối quan hệ của NB và ĐD, tư vấn và giáo dục sức khỏe trong quá trình điều trị tại khoa. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Bá Anh tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2012 (93.5%) [3] và Huỳnh Anh Dũng tại bệnh viện Chợ Rẫy năm 2018 (44.5%) [2]. Sự khác biệt này phần nào thể hiện những điều kiện thực tế tại các bệnh viện. Trung tâm bệnh nhiệt đới của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An là nơi được sự quan tâm, đầu tư của Ban giám đốc bệnh viện cũng như các sở ban ngành, đối tượng bệnh nhân tại khoa cũng đặc biệt hơn so với các khoa khác trong bệnh viện, nhận thức, trình độ của bệnh nhân tại khoa luôn cao hơn so với các khoa khác. Điều dưỡng viên tại khoa luôn nhận thức được việc chăm sóc và phục vụ bệnh nhân tại khoa phải có sự đòi hỏi cao hơn nên luôn cố gắng hết sức mình để làm tốt nhất những nhiệm vụ được giao.

Tỷ lệ hài lòng xét theo từng yếu tố. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 98.8% số NB đánh giá hài lòng về công tác chăm sóc tinh thần của ĐD (bảng 1). Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với các nghiên cứu của Nguyễn Bá Anh tại bệnh viện Việt Đức (83.0%) [3] và Bùi Bích Nga tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương (63.9%) [4]. Sự khác biệt này có thể do đặc điểm của NB tại Trung tâm bệnh nhiệt đới tương đối đặc biệt nên ĐD được trang bị các kiến thức rất kỹ càng và học được sự kiên nhẫn. Ngoài ra, ĐD tại khoa còn biết cách chăm sóc tinh thần cho NB rất khoa học và khéo léo. Nhu cầu chăm sóc tinh thần của những NB ở khoa Nội A – Lão khoa đòi hỏi cao hơn nhiều so với những NB trong các khoa khác. Do đó việc làm tốt công tác động viên, an ủi, hỏi thăm và theo dõi tình trạng sức khỏe... sẽ giúp NB yên tâm, tuân thủ điều trị.

Tỷ lệ hài lòng của NB với việc thực hiện hoạt động chăm sóc ĐD chiếm 96.9% (bảng 2). Kết quả này thấp hơn so với hoạt động chăm sóc, hỗ trợ tinh thần. Trong các khía cạnh đánh giá sự hài lòng của NB, lĩnh vực thực hiện hoạt động chăm sóc của người ĐD rất quan trọng vì hầu

hết thời gian tiếp xúc và giao tiếp giữa ĐD và NB là thông qua các hoạt động chăm sóc hàng ngày. Do vậy, thời gian nằm viện dài hay ngắn, thời gian tiếp xúc và giao tiếp của NB và ĐD nhiều hay ít cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá sự hài lòng của NB. Do nhân lực mỏng, khối lượng công việc nhiều, số lượng bệnh nhân đông nên một số công việc chưa thực sự được chu toàn. Tuy nhiên, tỷ lệ hài lòng của NB về lĩnh vực này trong nghiên cứu của chúng tôi vẫn cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Huỳnh Anh Dũng tại Bệnh viện Chợ Rẫy năm 2018 (51.5%) [2].

Bên cạnh việc thực hiện tốt hoạt động chăm sóc ĐD, người ĐD cần trang bị đầy đủ kỹ năng giao tiếp, phải xây dựng thói quen chào hỏi, giới thiệu tên khi giao tiếp với NB. Điều này khiến NB cảm thấy được tôn trọng và khi cần nhờ can thiệp hoặc xử trí có thể tìm được chính xác ĐD phụ trách chăm sóc cho mình. Từ đó, mối quan hệ giữa NB và ĐD ngày càng tốt hơn. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ NB hài lòng với mối quan hệ với ĐD là 97.0% (bảng 3), cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Huỳnh Anh Dũng (53.2%) [2]. Sự khác biệt này có thể do khác nhau về khối lượng công việc của ĐD và số lượng bệnh nhân ở các bệnh viện. Sự quá tải về số lượng NB trong khi nhân lực ĐD còn rất thiếu là một trong những lý do chính khiến tỷ lệ hài lòng của NB về mối quan hệ với ĐD thấp.

Trong các hoạt động chính của ĐD, hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe trong thời gian điều trị và sau khi ra viện có tỷ lệ hài lòng thấp nhất (96.0%) (bảng 4), nhưng vẫn cao hơn so với các nghiên cứu của Nguyễn Bá Anh tại bệnh viện Việt Đức (80.0%) [3] và Nguyễn Ngọc Lý tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang (66.5%) [5]. Đa số những NB chưa hài lòng vì chưa được tư vấn và giáo dục sức khỏe hoặc được tư vấn nhưng chưa đầy đủ và rõ ràng, đặc biệt là tư vấn về chế độ dinh dưỡng, tập luyện phục hồi chức năng trong thời gian nằm viện và sau khi ra viện. Công tác giáo dục sức khỏe là hết sức quan trọng và phải được thực hiện ngay từ trong cộng đồng. Vì vậy, cần cải thiện hoạt động truyền thông cho NB; cán bộ ĐD cần có sự chuẩn bị kỹ càng về kiến thức để dễ dàng chia sẻ với NB/người nhà khi được hỏi; cần tổ chức thường xuyên hơn những cuộc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho NB để giải đáp về tất cả vấn đề thắc mắc của NB về việc chăm sóc trong và sau khi ra viện.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, NB hài lòng cao đối với thái độ giao tiếp của ĐD về các lĩnh

vực trong công tác chăm sóc ĐD. Sự hài lòng của NB là một tiêu chí có ý nghĩa trong đánh giá chất lượng của chăm sóc ĐD. Việc đánh giá sự hài lòng của NB giúp cải tiến chất lượng khám chữa bệnh, góp phần xây dựng và phát triển bệnh viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế** (2014), Thông tư số 7/2014/TT - BYT ngày 25 tháng 2 năm 2014 quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
2. **Huỳnh Anh Dũng** (2018), "Đánh giá sự hài lòng của người bệnh nội trú về sự chăm sóc của điều dưỡng tại khoa huyết học bệnh viện Chợ Rẫy".

3. **Nguyễn Bá Anh** (2012), "Đánh giá và sự hài lòng của người bệnh về chất lượng chăm sóc của điều dưỡng tại một số khoa lâm sàng bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2012", Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
4. **Bùi Thị Bích Nga** (2011), "Thực trạng công tác chăm sóc của Điều dưỡng qua nhận xét của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2011", Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
5. **Nguyễn Ngọc Lý** (2013), "Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về công tác chăm sóc điều dưỡng tại Khoa Nội Tổng hợp, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang năm 2013", Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.

THỰC HÀNH DINH DƯỠNG CỦA BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC HUẾ VÀ BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI HUẾ NĂM 2021

Lê Thị Hồng Khánh¹, Phan Nguyễn Trà Linh¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung¹,
Lê Thị Diệu Linh¹, Nguyễn Thị Mỹ Hảo¹, Trương Thị Mỹ Lệ¹,
Nguyễn Thị Bích Thảo¹, Võ Ngọc Hồng Phúc¹,
Nguyễn Thị Thanh Nhân^{1,2}, Trần Phương Thảo¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thực hành dinh dưỡng đóng vai trò quan trọng giúp bệnh nhân đái tháo đường kiểm soát bệnh và phòng ngừa các biến chứng nguy hiểm. **Mục tiêu nghiên cứu:** (1) Mô tả thực hành dinh dưỡng dành cho bệnh nhân đái tháo đường của bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế và Bệnh viện Giao thông Vận tải Huế năm 2021; (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến thực hành dinh dưỡng của đối tượng nghiên cứu. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang trên 293 bệnh nhân mắc đái tháo đường type 2 đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế và Bệnh viện Giao thông vận tải Huế từ 12 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021. Nghiên cứu thu thập theo hình thức phỏng vấn trực tiếp dựa trên bộ câu hỏi sẵn có. **Kết quả:** Tỷ lệ bệnh nhân có thực hành dinh dưỡng đạt chiếm 17,4%. Các yếu tố liên quan đến thực hành dinh dưỡng dành cho bệnh nhân đái tháo đường bao gồm: tình trạng dinh dưỡng tốt (OR= 4,99; 95% CI: 2,11 – 11,84) và thái độ đối với vai trò của dinh dưỡng trong điều trị bệnh đái tháo đường tốt (OR = 4,93; 95% CI: 2,01 – 12,08) với $p < 0,05$. **Kết luận:** Cần có các giải

pháp nâng cao thực hành dinh dưỡng của bệnh nhân đái tháo đường type 2 tăng cường hiệu quả điều trị và kiểm soát bệnh.

Từ khóa: Dinh dưỡng, đái tháo đường type 2, thực hành.

SUMMARY

NUTRITIONAL PRACTICE AMONG TYPE 2 DIABETES MELLITUS PATIENTS AT HUE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL AND HUE TRANSPORTATION HOSPITAL IN 2021

Background: Nutritional practice play an important role in helping diabetic patients manage their disease and prevent dangerous complications.

Objects: (1) Describe diabetes nutritional practice among type 2 diabetes patients treated at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital and Hue Transportation Hospital in 2021; (2) Find out some factors related to diabetes nutritional practice among research subjects. **Materials and Method:** Cross-sectional study on 293 with type 2 diabetes who met the selection criteria for treatment at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital and Hue Transport Hospital from December 2020 to December 2021. The study was collected in the form of direct interviews based on available questionnaires. **Results:** The proportion of patients with good practice about diabetes accounted for 17,4%. Related factors to diabetes nutritional practices include good nutritional status (OR = 4,99; 95% CI: 2,11 – 11,84) and good attitude on diabetes nutritional caring (OR = 4,93;

¹Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế

²Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thanh Nhân
Email: nttphan@huemed-univ.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 17.7.2023

Ngày duyệt bài: 8.8.2023